

BÁO CÁO

10 năm thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (2010-2020)

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Nghị quyết số 8h/2010/NQCD-HĐND ngày 2/6/2010 của HĐND tỉnh về “Phát triển dạy nghề tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011 – 2020”; Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011-2020”; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Phần thứ nhất

I. KẾT QUẢ, HIỆU QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kết quả 10 năm thực hiện Đề án

a) Kết quả thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn (LĐNT).

** Kết quả:*

- Trong 10 năm (2010-2020) đã đào tạo nghề cho 34.171 lao động nông thôn, trong đó: nghề nông nghiệp là 8.545 người (chiếm tỷ lệ 25%), phi nông nghiệp là 25.626 người (chiếm tỷ lệ 75%); gồm:

+ 4.057 người dân tộc thiểu số được hỗ trợ học nghề;

+ 1.739 người được hỗ trợ học nghề thuộc hộ nghèo;

+ 153 người được hỗ trợ học nghề thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng;

+ 65 người bị thu hồi đất nông nghiệp được hỗ trợ học nghề;

+ 1.050 người khuyết tật được hỗ trợ học nghề;

+ 289 người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ học nghề

+ 26.879 Lao động nông thôn (LĐNT) khác được hỗ trợ học nghề.

- Trong số 34.171 LĐNT được hỗ trợ học nghề có 20.277 LĐNT được hỗ trợ học nghề là nữ, chiếm 59,3% tổng số người được hỗ trợ học nghề, trong đó:

+ 3.955 lao động nữ được hỗ trợ học nghề nông nghiệp, chiếm 19,5% lao động nữ được hỗ trợ học nghề.

+ 16.322 lao động nữ được hỗ trợ học nghề phi nông nghiệp, chiếm 80,5% lao động nữ được hỗ trợ học nghề.

** Hiệu quả:*

- Trong số 34.171 LĐNT đã được đào tạo, có 32.091 người đã học xong và có 29.208 người có việc làm sau học nghề (nghề nông nghiệp là 7.527 người, nghề phi nông nghiệp là 21.681 người), trong đó:

+ 14.625 người được doanh nghiệp tuyển dụng, chiếm 50,1% số người có việc làm sau học nghề.

+ 1.448 người được doanh nghiệp nhận bao tiêu sản phẩm, chiếm 5% số người có việc làm sau học nghề.

+ 981 người thành lập tổ nhóm sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp, chiếm 3,4% số người có việc làm sau học nghề (chủ yếu số người thành lập tổ, nhóm sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp, nghề phi nông nghiệp, chiếm 90,9% tổng người thành lập tổ, nhóm sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp... sau học nghề).

+ 12.154 người học xong tự tạo việc làm hoặc làm nghề cũ nhưng có thu nhập cao hơn (nông nghiệp chiếm tỷ lệ 57,1%; phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ 42,9%).

- 436 hộ nghèo có người tham gia học nghề, có việc làm đã thoát nghèo, chiếm 25,1% tổng số hộ nghèo có người tham gia học nghề; 4.496 hộ có người tham gia học nghề, có việc làm, có thu nhập cao hơn mức bình quân tại địa phương (trở thành hộ khá), chiếm 13,2% tổng số LĐNT tham gia học nghề.

(Chi tiết tại Phụ lục số 1)

b) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã

Năm 2012, sau khi Bộ, ngành Trung ương ban hành chương trình khung về bồi dưỡng cán bộ, công chức xã và tổ chức các đợt chuyển giao về nội dung các bộ tài liệu, tỉnh Thừa Thiên Huế đã cử 35 cán bộ, công chức của các sở, ban, ngành và giảng viên Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh tham gia các đợt tập huấn chuyển giao tài liệu theo chương trình của Bộ Nội vụ..

Đến cuối năm 2020, Sở Nội vụ đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và đào tạo nâng cao trình độ cho 2.450 lượt cán bộ, công chức xã với tổng kinh phí hỗ trợ từ Dự án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 5.520 triệu đồng.

Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức cấp xã đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy nhà nước, thúc đẩy công cuộc cải cách hành chính, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

2. Nguồn lực thực hiện Đề án:

Tổng kinh phí thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong 10 năm (2011 - 2020) đạt 131.995 triệu đồng, trong đó:

a) Theo nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia Việc làm – Dạy nghề giai đoạn 2011 – 2015 (Dự án Đổi mới và Phát triển dạy nghề và Dự án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn) và Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 (Dự án Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn) là 89.465 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 67,78%).

- Nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương là 37.880 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 28,70%).

- Nguồn khác (từ các nguồn lực xã hội hóa, các Dự án tài trợ như Dự án Phát triển nông thôn Phần Lan, Dự án Phát triển nông thôn Luxembourg, Dự án PLAN, ...) là 4.650 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 3,52%).

b) Theo giai đoạn

- Giai đoạn 2011 – 2015: 93.405 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 89,8%).

- Giai đoạn 2016 – 2020: 50.770 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 10,2%).

c) Theo cơ cấu đầu tư

- Đầu tư về xây dựng cơ bản: 44.963 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 34,47%.

- Mua sắm thiết bị dạy nghề: 34.712 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 26,61%.

- Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề: 50,770 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 38,92%.
(Chi tiết tại Phụ lục số 2)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

- Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 35-CT/TU ngày 19/5/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 8h/2010/NQCD-HĐND ngày 2/6/2010 về Phát triển dạy nghề tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011 – 2020).

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011-2020.

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án 1956 cấp tỉnh và ban hành Quy chế hoạt động Ban chỉ đạo và Kiện toàn Ban chỉ đạo cấp tỉnh

- Hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản:

+ Kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn.

+ Phê duyệt định mức chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục số 3)

Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ của mình đến cấp huyện, xã, đồng thời tham mưu văn bản để tổ chức thực hiện các nội dung cụ thể về đào tạo nghề cho LĐNT thuộc lĩnh vực phụ trách.

Sau 2 năm (2010 – 2011) tổ chức thực hiện Đề án, có:

- 9/9 huyện, thị xã và thành phố Huế đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án; 98/105 xã (chiếm 93,3%) đã thành lập Tổ công tác Đề án cấp xã.

- 9/9 Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã và thành phố Huế đã bố trí đủ cán bộ theo dõi công tác đào tạo nghề tại các địa phương.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền, tư vấn về học nghề và việc làm

- Các địa phương đã chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm và chỉ đạo xây dựng chương trình, chuyên trang, chuyên mục riêng trên đài phát thanh, truyền hình, báo đài địa phương. Nội dung tuyên truyền bao gồm chính sách, pháp luật về dạy nghề; các chính sách hỗ trợ học nghề, tạo việc làm; hướng dẫn kỹ thuật, kiến thức sản xuất, hướng nghiệp; các mô hình, cá nhân điển hình trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đã tổ chức quán triệt kịp thời các văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án cho cán bộ chủ chốt của UBND các cấp, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể các cấp và các cơ sở dạy nghề.

- Một số kết quả như sau

+ Đã phát hành hơn 137 ngàn tờ gấp, tờ rơi... giới thiệu các nội dung cơ bản, các chính sách của Đề án 1956, các mô hình hiệu quả và thông tin tóm tắt về ngành nghề, trình độ đào tạo của các đơn vị đào tạo nghề trên địa bàn có tham gia dạy nghề cho LĐNT.

+ Đã phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình trung ương và địa phương để đưa tin về các hoạt động của Đề án (đã có 738 lượt chuyên mục, chuyên đề được phát sóng hoặc đưa tin trên báo chí...), gồm: Truyền hình Quốc hội: 13 chuyên đề, Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Huế (HVTV, VTV8): 127 chuyên đề và phóng sự, Đài Phát thanh–Truyền hình Thừa Thiên Huế (TRT): 174 chuyên đề

và phóng sự, Báo Lao động – Xã hội (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội): 148 chuyên mục, Báo Thừa Thiên Huế: 121 chuyên mục, Báo Người lao động, Thanh niên, Tuổi trẻ...: 113 chuyên mục.

+ Đã tổ chức 126 phiên giao dịch việc làm - dạy nghề tại các huyện, thị xã và thành phố Huế nhằm giúp cho LĐNT tiếp cận các chính sách pháp luật về việc làm, dạy nghề, tiếp cận các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và các doanh nghiệp để học nghề và tìm việc làm.

(Chi tiết tại Phụ lục số 4)

Sau 10 năm triển khai thực hiện, có thể thấy: nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân về đào tạo nghề, phát triển nhân lực nông thôn có sự chuyển biến tích cực. Người dân nhận thức sâu sắc hơn về nghề nghiệp, từ chỗ học theo phong trào, học để nhận tiền hỗ trợ, học chỉ để cho biết, chuyển sang học nghề để tìm việc làm chuyên đổi nghề nghiệp; học nghề để nắm vững khoa học kỹ thuật, ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp, có năng suất, thu nhập cao hơn. Các địa phương ngày càng chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hàng năm, gắn đào tạo nghề với quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

3. Hoạt động điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu dạy nghề.

- Đã tổ chức 16 lớp tập huấn về nghiệp vụ điều tra, khảo sát cho 1.892 điều tra viên để điều tra, khảo sát nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề, nhu cầu học nghề của LĐNT; tập huấn về nghiệp vụ điều tra, khảo sát năng lực đào tạo của các cơ sở tham gia dạy nghề cho LĐNT cho 46 điều tra viên.

- Đã khảo sát, điều tra 920.101 lượt nhân khẩu trong độ tuổi lao động; có 543.548 lượt lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế, có 61.929 lượt lao động nông thôn có nhu cầu học nghề. Số lao động đăng ký học sơ cấp nghề là 29.177 người và học nghề dưới 3 tháng là 15.108 người. Các nhóm nghề chính là may (10.340 người), cơ khí (4.375 người), nông – lâm – thủy sản (14.421 người)...

4. Các mô hình dạy nghề có hiệu quả

- Thông qua thí điểm các mô hình đã mang lại hiệu quả tích cực, các sản phẩm từ mô hình được thị trường chấp nhận, mang lại giá trị thương phẩm và hiệu quả kinh tế cao như: Mô hình nuôi cá nước lợ, nước ngọt (huyện Phú Vang), mô hình đào tạo nghề thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng 4 cho ngư dân trong tỉnh. Qua đào tạo nghề đã giúp ngư dân nắm vững nguyên tắc sử dụng, sửa chữa các thiết bị điện tử và máy móc trên tàu, sử dụng thành thạo các thiết bị trong khai thác thủy sản, đọc các chi tiết về tọa độ, bản đồ, vùng nước... Đặc biệt sau đào tạo nghề, ngư dân đã được cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng hội đủ điều kiện để tham gia khai thác, đánh bắt thủy sản theo quy định.

- Đã tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá hiệu quả các mô hình đào tạo nghề cho LĐNT. Theo đó, dạy nghề may công nghiệp theo chương trình đào tạo của các doanh nghiệp (Công ty CP Vinatex Hương Trà tại thị xã Hương Trà, Công ty Thiên An Phú tại huyện Phú Vang, Công ty Scavi tại huyện Phong Điền); mô hình dạy nghề trồng nấm rau sạch (xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền), trồng nấm Linh Chi (Công ty CP lâm đặc sản Hương Giang)... là những mô hình khá hiệu quả và có thể nhân rộng trong toàn tỉnh.

5. Về xây dựng và phát triển chương trình dạy nghề.

- Trong 2 năm (2010 - 2011) đã thí điểm xây dựng 32 chương trình dạy nghề làm cơ sở để các cơ sở tham gia dạy nghề cho LĐNT tham khảo, xây dựng chương trình.

- Tính đến hết năm 2018, các cơ sở GDNN đã thực hiện rà soát, biên soạn lại hoặc xây dựng mới 176 chương trình dạy nghề cho LĐNT trong đó 71 chương trình dạy nghề nông nghiệp và 105 chương trình dạy nghề phi nông nghiệp.

- Ngoài ra, các đơn vị cũng đã khai thác, sử dụng các chương trình dạy nghề sơ cấp và dưới 3 tháng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục giáo dục nghề nghiệp ban hành để đào tạo các nghề mà địa phương có nhu cầu.

(Chi tiết tại Phụ lục số 5)

6. Về phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề

a) Đội ngũ giáo viên

- Đến năm 2020, tổng số nhà giáo của các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh có tham gia đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh là 937 nhà giáo, trong đó có 195 nhà giáo trình độ thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 20,81%), 538 nhà giáo trình độ đại học (chiếm tỷ lệ 57,42%), 70 nhà giáo trình độ cao đẳng (chiếm tỷ lệ 7,47%) và có 134 nhà giáo trình độ khác (chiếm tỷ lệ 14,3%).

- Đã tổ chức bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng dạy học cho 924 lượt giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề của các cơ sở GDNN địa phương (trong đó: nghiệp vụ sư phạm dạy nghề cho 571 giáo viên, kỹ năng dạy học cho 353 cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề).

b) Đội ngũ cán bộ quản lý

- Hiện nay có 383 cán bộ quản lý tại các cơ sở có hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh tham gia dạy nghề cho LĐNT, trong đó có: 20 cán bộ có trình độ tiến sĩ (chiếm tỷ lệ 5,22%), có 158 cán bộ có trình độ thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 41,3%), có 182 cán bộ có trình độ đại học (chiếm tỷ lệ 47,5%) và 23 cán bộ trình độ khác (chiếm tỷ lệ 9,4%).

- Có 9/9 Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã và thành phố Huế đã bố trí cán bộ theo dõi công tác đào tạo nghề tại các địa phương.

7. Hoạt động tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

Dự án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia Việc làm – Dạy nghề), nguồn địa phương và các nguồn khác là tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 59,33% so với tổng mức đầu tư cho Đề án), trong đó đầu tư xây dựng cơ bản là 37.863 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 35,5%), đầu tư mua sắm thiết bị dạy nghề là 25.412 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 23,83%).

Trong 10 năm thực hiện Đề án, có 48 cơ sở GDNN và doanh nghiệp tham gia dạy nghề cho LĐNT, trong đó có: 9 trường cao đẳng, 5 trường trung cấp, 9 trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên công lập cấp huyện, 12 trung tâm có hoạt động GDNN thuộc các tổ chức xã hội nghề nghiệp và 36 doanh nghiệp.

Các cơ sở GDNN được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề đều tham gia dạy nghề cho LĐNT. Tuy nhiên, do các cơ sở được hỗ trợ đầu tư từ những năm đầu thực hiện Đề án, nên khó tránh khỏi những lúng túng, dàn trải trong đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy nghề. Cùng với đó là sự thay đổi cơ cấu, quy hoạch ngành nghề tại một số địa phương, điều này đã dẫn tới tình trạng thiết bị dạy nghề tại một số cơ sở GDNN còn chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa đạt hiệu quả cao.

8. Công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát.

- Năm 2016 Hội đồng dân tộc (thuộc Quốc Hội) đã tiến hành giám sát công tác dạy nghề cho LĐNT là người dân tộc thuộc các huyện A Lưới và Nam Đông. Đoàn

đã đánh giá cao hiệu quả của việc tổ chức dạy nghề cho đồng bào dân tộc và miền núi tại các huyện nói trên.

- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Vụ đào tạo thường xuyên, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Ban quản lý CTMTQG...) đã tiến hành giám sát việc tổ chức thực hiện Dự án phát triển dạy nghề cho lao động nông thôn vào năm 2012, năm 2013 và năm 2017 tại Thừa Thiên Huế.

- Năm 2017, Thanh tra tỉnh đã tiến hành thanh tra công tác đào tạo nghề cho LĐNT các năm 2015-2016 và đánh giá tốt công tác này.

- Kiểm toán Nhà nước (Khu vực 2) đã kiểm toán việc thực hiện Chương trình MTQG Việc làm – Dạy nghề giai đoạn 1012-2013 và giai đoạn 2016-2017 của tỉnh Thừa Thiên Huế (trong đó Dự án dạy nghề cho lao động nông thôn) Kết luận của Kiểm toán Nhà nước đã đánh giá việc thực hiện Dự án dạy nghề cho LĐNT ở tỉnh nhà thực hiện đúng quy định Nhà nước đã ban hành và mang lại hiệu quả nhất định.

- Các cơ quan chuyên môn của HĐND tỉnh đã có 47 đợt giám sát với các sở, ngành, đại phương; UBND tỉnh và các sở (Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thanh tra tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội)... đã tiến hành 139 đợt giám sát và làm việc theo kế hoạch hoặc đột xuất: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đã thực hiện 204 đợt giám sát, kiểm tra đối với các cơ sở GDNN có tổ chức hiện dạy nghề cho LĐNT; UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế tiến hành 84 đợt giám sát.

III. KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.

1. Những mặt được.

- Qua 10 năm thực hiện công tác đào tạo nghề cho LĐNT đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là khu vực nông nghiệp và nông thôn; từng bước nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen canh tác, tác phong làm việc của người lao động theo hướng tiếp cận với tác phong công nghiệp. Sau học nghề người dân đã ứng dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng hàng hóa và dịch vụ, nâng cao thu nhập, giảm dần khoản cách chênh lệch thu nhập giữa nông thôn và thành thị; đồng thời góp phần tăng trưởng kinh tế và ổn định tình hình trật tự - xã hội của địa phương.

- Đã có sự quan tâm, tham gia của cả hệ thống chính trị, các cơ quan báo chí, truyền thông trong việc tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện dạy nghề cho LĐNT. Qua giám sát của các cơ quan chức năng, phản ánh của các cơ quan báo chí, truyền thông, đã kịp thời phát hiện những hạn chế, thiếu sót trong những năm đầu thực hiện Đề án để có giải pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời. Nhờ đó, đã hạn chế được những sai sót, thực hiện dạy nghề có hiệu quả cao hơn trong những năm tiếp theo.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch dạy nghề hàng năm, rà soát các mục tiêu đào tạo, chỉ đạo thực hiện phương châm “chỉ đào tạo nghề khi xác định được việc làm và thu nhập sau học nghề” tình trạng chạy theo số lượng, chỉ tiêu đã được khắc phục tích cực; dạy nghề gắn với thế mạnh địa phương, với quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Nhận thức của cộng đồng nói chung và người lao động nói riêng, của các cấp, các ngành về mục tiêu, tác động của đào tạo nghề cho LĐNT bước đầu có chuyển biến tích cực. Đa số lao động đã có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết, mục tiêu học nghề, từ chỗ học theo phong trào, học để được hỗ trợ tiền ăn, học cho biết chuyên sang học nghề để mưu sinh, phát triển sản xuất, để tìm được việc làm.

- Các cơ GDNN có tham gia dạy nghề cho LĐNT chuyển từ đào tạo theo năng lực sẵn có sang đào tạo theo yêu cầu, nhu cầu của doanh nghiệp, đào tạo theo nhu cầu học nghề của người lao động gắn với thực hiện tuyên truyền, tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho LĐNT.

- Tỷ lệ lao động học nghề gắn với việc làm và có việc làm mới đã tăng lên; từng bước gắn với nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu lao động kỹ thuật của các doanh nghiệp cũng như với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề.

- Các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với học sinh dân tộc thiểu số học nghề, hỗ trợ tiền ăn, tiền tàu xe, vay vốn học nghề đã giúp cho người học nghề an tâm học tập, nâng cao chất lượng nguồn lao động.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

a) Tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai công tác này tại một số địa phương còn thiếu đồng bộ, chưa gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, nhất là quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; một số địa phương chưa làm tốt công tác khảo sát, tuyên truyền, giám sát, đánh giá Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ đó chưa phát huy tốt việc đào tạo nghề gắn với cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

Việc xác định danh mục nghề đào tạo cho LĐNT, nhất là danh mục nghề nông nghiệp ở một số địa phương vẫn còn dàn trải, chưa xuất phát từ quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch xây dựng nông thôn mới dẫn đến hiệu quả sau học nghề không cao, học xong không tìm kiếm được việc làm. Lao động học nghề một số ngành phi nông nghiệp chưa tìm được việc làm, do thị trường tại chỗ không có nhu cầu hoặc do tay nghề chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

b) Nguyên nhân

Việc triển khai quy hoạch sản xuất, quy hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp ở một số địa phương còn chậm là trở ngại lớn đối với việc xác định nghề đào tạo và nhu cầu học nghề, ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT. Nhiều địa phương chưa gắn chặt giữa đào tạo nghề, phát triển ngành nghề với thế mạnh và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Nhận thức của một bộ phận người dân về học nghề và lập nghiệp chưa cao, vì vậy chưa theo học nghề. Bản thân nhiều người LĐNT chưa coi việc được đào tạo nghề là nhu cầu học nghề, một yếu tố cần thiết để đảm bảo cuộc sống cho bản thân và gia đình, vì vậy học tham gia các khóa học chưa nhiệt tình và tập trung cao để học tập.

LĐNT tham gia học nghề không đồng đều về độ tuổi, trình độ, nhận thức điều kiện gia đình. Một số LĐNT nhất là lao động trẻ chưa nhận thức được việc đào tạo nghề là yếu tố cần thiết đảm bảo cuộc sống cho bản thân, gia đình nên chưa được quan tâm đến việc học, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại về các chính sách hỗ trợ.

c) Một số bài học kinh nghiệm

- *Thứ nhất*, sự chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã; việc huy động được sự tham gia của hệ thống chính trị có sự phân trách nhiệm rõ ràng và sự phối hợp chặt chẽ của các thành viên trong các Ban chỉ đạo là yếu tố quan trọng quyết định thành công và hiệu quả của Đề án. Cần nhận thức đúng về đào tạo nghề cho LĐNT là cơ hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho địa phương,

nâng cao năng suất lao động; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, giảm nghèo bền vững.

- *Thứ hai*, do tính đa dạng vùng miền và tính đặc thù của nông dân và lao động nông thôn (trình độ học vấn không đồng đều và phần lớn là quá thấp, lao động theo mùa vụ, thói quen canh tác...) nên việc tổ chức các khóa học nghề cần linh hoạt về chương trình, hình thức, phương thức và nội dung đào tạo ... chương trình đào tạo nghề cần đa dạng, phong phú và thiết thực, phù hợp với trình độ người học.

- *Thứ ba*, đào tạo nghề cho LĐNT phải gắn quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; gắn với quy hoạch sản xuất nông nghiệp và yêu cầu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp; gắn với giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm nghèo và góp phần bảo đảm an sinh xã hội ở nông thôn; gắn với xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, trong quá trình thực hiện, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, nhất là vai trò của chính quyền cấp xã, cấp huyện. Đặc biệt, dạy nghề cho LĐNT phải gắn kết chặt chẽ với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Phần thứ hai

I. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu, chỉ tiêu:

a) Mục tiêu.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dạy nghề cho LĐNT là giải pháp mang tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp và nông thôn, đồng thời xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững và xây dựng nông thôn mới; tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Dạy nghề cho LĐNT phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và gắn với quy hoạch phát triển sản xuất của địa phương (đối với các nghề nông nghiệp phải gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sản xuất nông nghiệp và yêu cầu tái cấu trúc ngành nông nghiệp; các nghề phi nông nghiệp phải gắn với quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp).

b) Chỉ tiêu.

- Đào tạo trên 15 ngàn lao động nông thôn, trong đó có 2 ngàn lao động nông nghiệp (chiếm tỷ lệ 80%) và 10 ngàn lao động phi nông nghiệp (chiếm tỷ lệ 80%).

2. Nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và người dân về vị trí chiến lược của phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và vai trò của công tác dạy nghề trong việc nâng cao chất lượng LĐNT, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập và tạo thêm việc làm.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác dạy nghề cho lao động nông thôn là nhiệm vụ chính trị của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp, đặc biệt là UBND cấp xã. UBND các huyện, thị xã cần tăng cường chỉ đạo cấp cơ sở trong việc xây dựng và thực hiện chương trình, đề án, kế hoạch 5 năm và hằng năm về dạy nghề cho lao động nông

thôn, có các chỉ tiêu cụ thể về số lượng, chất lượng, cơ cấu lao động để tổ chức triển khai, theo dõi, đánh giá.

- Huy động các tổ chức chính trị - xã hội, khuyến khích các đoàn thể nhân dân, doanh nghiệp và người dân có đủ điều kiện tích cực tham gia vào công tác dạy nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình dạy nghề có hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đào tạo nghề cho LĐNT.

3. Một số giải pháp đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho LĐNT.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung của Đề án đến với người dân, quan tâm đến những xã vùng sâu, vùng xa, miền núi; tiếp tục đẩy mạnh công tác tư vấn học nghề, chọn nghề và tổ chức dạy học theo phương châm xuất phát từ nhu cầu học nghề, việc làm và điều kiện của người học; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH của địa phương và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

- Tiếp tục đổi mới hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn. Xây dựng hệ thống trường dạy nghề, trung tâm dạy nghề cho LĐNT theo hướng hiện đại, chuẩn hoá. Tập trung dạy nghề cho thanh niên nông thôn đáp ứng yêu cầu lao động của các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ, xuất khẩu lao động và chuyển đổi nghề nghiệp; dạy nghề cho bộ phận nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp để thực hành sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại.

- Lồng ghép các Chương trình MTQG, đặc biệt là Chương trình Nông thôn mới, các chương trình, đề án, dự án... đặc biệt là nguồn lực xã hội hoá để huy động các nguồn lực cho công tác dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Phát triển các ngành nghề truyền thống, nâng cao vai trò các nghệ nhân tham gia đào tạo nghề truyền thống ở địa phương để tạo việc làm cho người lao động nông thôn sau khi đào tạo nghề.

- Tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung dạy nghề phù hợp, linh hoạt, chủ yếu tập trung dạy thực hành và thực hiện tại nơi sản xuất, có thời gian đào tạo phù hợp với nghề đào tạo, từng vùng, từng địa phương và phù hợp với điều kiện của người học nghề.

- Tích cực hỗ trợ và tạo điều kiện cho người học sau khi học nghề (vốn, phương tiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu việc làm...).

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đào tạo nghề ở các cấp; đổi mới cơ chế tài chính; chú trọng hình thức đào tạo nghề theo dự án, đơn đặt hàng; cải cách thủ tục hành chính trong quản lý hoạt động dạy nghề cho LĐNT.

Trên đây là kết quả thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010-2020./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TBXH (b/c)
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c)
- CT các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐTBXH, TC, KHĐT, NN&PTNT, GDĐT, Nội vụ.
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT KH, XH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình